

Đa dạng cấu trúc thành phần loài chim ở xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

Nguyễn Lâm Hùng Sơn*, Từ Thị Thanh Kim Huệ

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 9 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 9 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 24 tháng 10 năm 2013

Tóm tắt: Phù Long là một xã của huyện đảo Cát Hải, nằm ở cực Tây của hòn đảo Cát Bà và là nơi có diện tích rừng ngập mặn lớn nhất ở đảo. Kết quả nghiên cứu khu hệ chim ở đây trong năm 2011 - 2012 đã xác định có 92 loài chim thuộc 47 giống, 38 họ, 15 bộ trong đó có 9 loài chim được nhà nước quản lý hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Hàng năm, bắt đầu từ tháng 9 thường xuất hiện nhiều loài chim di cư tới đây và đông nhất vào tháng 10 - tháng 12, đến tháng 3 thì các loài chim di cư bay đi hết. Tuy nhiên, khu hệ chim ở xã Phù Long cũng đang chịu nhiều sức ép do một số hoạt động của con người như phá rừng ngập mặn, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản không có quy hoạch, ô nhiễm môi trường, săn bắt chim di cư.

Từ khóa: Chim, thành phần loài, di cư, đảo, xã Phù Long.

1. Mở đầu

Phù Long là một xã tương đối lớn của huyện đảo Cát Hải, thành phố Hải Phòng nằm ở cực Tây của hòn đảo Cát Bà, hòn đảo lớn thứ ba Việt Nam và có ba mặt Bắc, Tây, Nam giáp với biển, phía Đông giáp hai xã Gia Luận và Hiền Hào. Xã có vị trí địa lý: từ 20°53'02" đến 20°47'20" vĩ độ Bắc và từ 106°54'10" đến 106°58'23" kinh độ Đông. Xã có diện tích 48,15km², dân số khoảng 2.252 người. Một diện tích rất lớn của xã Phù Long là các đầm phá và bị ngập khi thủy triều lên cao, các đầm lớn là đầm Cái Viêng 1, đầm Cái Viêng 2, "sông" Phù Long. Có một số hòn đảo ven bờ ở

phía bên trong các đầm phá như hòn Con Chó, hòn Con Rùa, hòn Áp Đá. Cho đến nay, diện tích rừng ngập mặn còn lại ở đảo Cát Bà chủ yếu tập trung ở địa phận thuộc xã Phù Long. Nghề chính của dân địa phương chủ yếu là khai thác và nuôi trồng thủy sản. Do hiện trạng chặt phá rừng ngập mặn làm đầm nuôi tôm diễn ra trong một thời gian dài, nên hiện nay, rừng ngập mặn đã bị thu hẹp lại rất nhiều và chỉ còn lại chủ yếu ở khu vực đầm Cái Viêng. Với sự đa dạng về địa hình và sinh cảnh, nằm ở vị trí cửa ngõ của Vườn quốc gia Cát Bà, Phù Long tiềm ẩn sự đa dạng về thành phần loài và sự phong phú của nhiều loài chim chưa được biết tới. Nhằm giúp chính quyền địa phương và cộng đồng hiểu rõ hơn về những loài chim hiện diện nơi đây, từ đó đề xuất các quy hoạch phát triển phù hợp,

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37549530.
E-mail: somlh@hnu.edu.vn

mang tính bền vững, chúng tôi đã tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu về thành phần loài chim ở xã Phù Long từ năm 2011 đến năm 2012.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

- *Địa điểm nghiên cứu:* Xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Chúng tôi tiến hành điều tra thực địa theo 4 tuyến chính. Tuyến 1 từ UBND xã Phù Long đi đèo Cái Viêng 1; Tuyến 2 đi dọc từ chợ Phù Long theo lạch Phù Long lên đến Bãi Giai; Tuyến 3 dọc theo tuyến đường xuyên đảo cho đến hết địa phận xã Phù Long; Tuyến 4 từ Ao Cối đi xuyên qua rừng và vượt qua áng Nghè, áng Mã tới đỉnh 82,7m. Nhìn chung, các tuyến phân nào đã bao quát được toàn bộ phạm vi của xã, trải qua các sinh cảnh khác nhau, cả phần đất liền và phần bờ biển.

- *Thời gian nghiên cứu:* Điều tra thực địa được tiến hành 5 đợt nghiên cứu vào các tháng 9, 12/2011 và tháng 3, 7, 9/2012 với tổng số thời gian thực địa là 32 ngày.

- *Vật liệu nghiên cứu:* Chúng tôi sử dụng các thiết bị quan sát chim hiện đại như ống nhòm Steiner 10 x 40 (Đức), ống Fieldscopes Nikon có gắn chân, máy ảnh Nikon D300 kết nối ống tele nikon 400 có ống nối hoặc nối vào ống fieldscopes để chụp ảnh chim từ xa. Sử

dụng máy định vị toàn cầu GPS Garmin 72 để xác định tọa độ các điểm nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu chính:* Chúng tôi sử dụng các phương pháp thường quy trong nghiên cứu chim ngoài thực địa như: quan sát chim ngoài tự nhiên có sử dụng thiết bị quang học, phương pháp phỏng vấn qua phiếu hỏi, phương pháp thống kê sinh học. Ngoài thực địa, để định loại nhanh các loài chim, chúng tôi có sử dụng một số sách định loại có ảnh màu minh họa: Nguyễn Cử và nnk. (2005) [1], James Ferguson-Lees et al. (2005) [2], Craig Robson (2008) [3], Morten Strange (2002) [4]. Danh lục chim được sắp xếp theo hệ thống đề xuất bởi Sibley-Ahlquist-Monroe (SAM) được sử dụng trong Danh lục chim Việt Nam (Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, 2011) [5].

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thành phần loài chim ở xã Phù Long

Qua quá trình điều tra, khảo sát tại đảo Cát Bà trong phạm vi địa phận xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, chúng tôi đã xác định được 92 loài chim thuộc 47 giống, 38 họ, 15 bộ. Danh mục thành phần loài chim được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Danh mục thành phần loài chim xã Phù Long, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

TT	Tên phổ thông và tên tiếng Anh	Tên khoa học	Đặc điểm di trú
	I. BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES	
	1. Họ Vịt	Anatidae	
	<i>Phân họ Vịt</i>	Anatinae	
1	Vịt trời Spot-billed Duck	<i>Anas poecilorhyncha</i> Forster, 1781	M
	II. BỘ HẢI ÂU	PROCELLARIIFORMES	

	2. Họ Hải âu	Procellariidae	
2	Hải âu mắt trắng Streaked Shearwater	<i>Calonectris leucomelas</i> (Temminck, 1836)	M
	III. BỘ CHIM LẶN	PODICIPEDIFORMES	
	3. Họ Chim lặn	Podicipedidae	
3	Le hôi Little Grebe	<i>Tachybaptus ruficollis</i> (Pallas, 1764)	R
	IV. BỘ HẠC	CICONIIFORMES	
	4. Họ Diệc	Ardeidae	
	<i>Phân họ Cò lùn</i>	Botaurinae	
4	Cò lùn xám Yeallow Bittern	<i>Ixobrychus sinensis</i> (J.F.Gmelin, 1789)	R
5	Cò lùn hung Cinnamon Bittern	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i> (J.F.Gmelin, 1789)	R
	<i>Phân họ Diệc</i>	Ardeinae	
6	Cò xanh Straited Heron	<i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758)	R/M
7	Cò bợ Chinese Pond Heron	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	R
8	Cò ruồi Cattle Egret	<i>Bubulcus coromandus</i> (Boddaert, 1783)	R
9	Diệc xám Grey Heron	<i>Ardea cinerea</i> Linnaeus, 1758	M
10	Cò ngàng nhỡ Intermediate Egret	<i>Egretta intermedia</i> Wagler, 1827	R
11	Cò trắng Little Egret	<i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766)	R/M
	V. BỘ CẮT	FALCONIFORMES	
	5. Họ Cắt	Falconidae	
	<i>Phân họ Cắt</i>	Falconinae	
12	Cắt lưng hung Common Kestrel	<i>Falco tinnunculus</i> Linnaeus, 1758	M
13	Cắt bụng hung Oriental Hobby	<i>Falco severus</i> Horsfield, 1821	R
	VI. BỘ ƯNG	ACCIPITRIFORMES	
	6. Họ Ó cá	Pandionidae	
	<i>Phân họ Ó cá</i>	Pandioninea	
14	Ó cá Osprey	<i>Pandion haliaetus</i> (Linnaeus, 1758)	M
	7. Họ Ưng	Accipitridae	
	<i>Phân họ Ưng</i>	Accipitrinae	
15	Diều trắng Black-winged Kite	<i>Elanus caeruleus</i> Desfontaines, 1789	R
16	Diều hâu Black Kite	<i>Milvus migrans</i> (Boddaert, 1783)	R
	VII. BỘ SẾU	GRUIFORMES	
	8. Họ Gà nước	Rallidae	
17	Gà nước Water Rail	<i>Rallus aquaticus</i> Linnaeus, 1758	M

18	Cuốc ngực trắng White-breasted Waterhen	<i>Amaurornis phoenicurus</i> Pennant, 1769	R
19	Gà đồng Watercock	<i>Gallicrex cinerea</i> (J.F. Gmelin, 1789)	R
20	Kịch Common Moorhen	<i>Gallinula chloropus</i> (Linnaeus, 1758)	R
	VIII. BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES	
	9. Họ Cà kheo	Recurvirostridae	
21	Cà kheo Black-winged Stilt	<i>Himantopus himantopus</i> (Linnaeus, 1758)	R/M
	10. Họ Choi chôi	Charadriidae	
	<i>Phân họ Te</i>	Vanellinae	
22	Te vàng Grey-headed Lapwing	<i>Vanellus cinereus</i> (Byth, 1842)	M
	<i>Phân họ Choi chôi</i>	Charadriinae	
23	Chôi chôi nhỏ Little Ringed Plover	<i>Charadrius dubius</i> Scopoli, 1786	R/M
24	Chôi chôi khoang cổ Kentish Plover	<i>Charadrius alexandrinus</i> Linnaeus, 1758	M
25	Chôi chôi lớn Greater Sand-Plover	<i>Charadrius leschenaultia</i> (Lesson, 1826)	M
	11. Họ Rẽ	Scolopacidae	
	<i>Phân họ Rẽ giun</i>	Gallinaginae	
26	Rẽ giun nhỏ Jack Snipe	<i>Lymnocyptes minimus</i> (Brunnich, 1764)	M
27	Rẽ giun thường Common Snipe	<i>Gallinago gallinago</i> (Linnaeus, 1758)	M
	<i>Phân họ Choắt</i>	Tringinae	
28	Choắt bụng trắng Green Sandpiper	<i>Tringa ochropus</i> Linnaeus, 1758	M
29	Choắt bụng xám Wood Sandpiper	<i>Tringa glareola</i> Linnaeus, 1758	M
	12. Họ Mòng bẽ	Laridae	
	<i>Phân họ Mòng bẽ</i>	Larinae	
30	Mòng bẽ đầu đen Common black-headed Gull	<i>Larus ridibundus</i> Linnaeus, 1766	M
	<i>Phân họ Nhàn</i>	Sterninae	
31	Nhàn xám White-winged Black Tern	<i>Chlidonias leucopterus</i> (Ternmick, 1815)	R
	IX. BỘ BÒ CÂU	COLUMBIFORMES	
	13. Họ Bò câu	Columbidae	
	<i>Phân họ Bò câu</i>	Columbinae	
32	Cu ngói Red Turtle Dove	<i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804)	R
33	Cu gáy Spotted-necked Dove	<i>Streptopelia chinensis</i> (Scopoli, 1768)	R
	X. BỘ CU CU	CUCULIFORMES	
	14. Họ Cu cu	Cuculidae	
	<i>Phân họ Cu cu</i>	Cuculinae	

34	Tim vịt Plaintive Cuckoo Phân họ Phướn	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	R
35	Phướn, Coọc Green-bellied Malkoha Phân họ Bìm Bịp	<i>Rhopodytes tristis</i> (Lesson, 1830)	R
36	Bìm bịp lớn Greater Coucal XI. BỘ CÚ 15. Họ Cú lợn Phân họ Cú lợn rừng	<i>Centropus sinensis</i> (Stephens, 1815)	R
37	Cú lợn rừng Oriental Bay Owl 16. Họ Cú mèo Phân họ Cú mèo	<i>Phodilus badius</i> (Horsfield, 1821)	R
38	Cú mèo khoang cổ Collared Scops Owl	<i>Otus bakkamoena</i> Hodgson, 1836	R
39	Dù dì phương đông Brown Fish Owl XII. BỘ CÚ MUỖI 17. Họ Cú muỗi Phân họ Cú muỗi mào	<i>Ketupa zeylonensis</i> (Gmelin, 1788)	R
40	Cú muỗi đuôi dài Large-tailed Nightjar XIII. BỘ YẾN 18. Họ Yến Phân họ Yến	<i>Caprimulgus macrurus</i> Horsfield, 1821	R
41	Yến hồng trắng Fork-tailed Swift XIV. BỘ SẢ 19. Họ Bói cá Phân họ Sả	<i>Apus pacificus</i> (Latham, 1802)	R
42	Sả đầu nâu White-throated Kingfisher	<i>Halcyon smyrnensis</i> (Linnaeus, 1758)	R
43	Sả đầu đen Black-capped Kingfisher	<i>Halcyon pileata</i> (Boddaert, 1783)	M
44	Sả khoang cổ Collared Kingfisher Phân họ bông chanh	<i>Todiramphus chloris</i> (Boddaert, 1783)	R
45	Bông chanh Common Kingfisher Phân họ Bói cá	<i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758)	R
46	Bói cá nhỏ Pied Kingfisher XV. BỘ SẼ 20. Họ Nhạn rừng	<i>Ceryle rudis</i> (Linnaeus, 1758)	R
47	Nhạn rừng Ashy Woodswallow	<i>Artamus fuscus</i> Vieillot, 1817	R

	21. Họ Chim nghệ	Aegithinidae	
48	Chim nghệ ngực vàng Common Iora	<i>Aegithina tiphia</i> (Linnaeus, 1758)	R
	22. Họ Bách thanh	Lanidae	
49	Bách thanh mày trắng Brown Shrike	<i>Lanius cristatus</i> Linnaeus, 1758	M
50	Bách thanh nhỏ Burmese Shrike	<i>Lanius collurio</i> Lesson, 1834	R
51	Bách thanh đuôi đen Long-tailed Shrike	<i>Lanius schach</i> Linnaeus, 1758	R
	23. Họ Chèo bẻo	Dicruridae	
52	Chèo bẻo Black Drongo	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	R/M
53	Chèo bẻo mỏ quạ Crow-billed Drongo	<i>Dicrurus anectans</i> (Hodgson, 1836)	R
	24. Họ Rẻ quạt	Rhipiduridae	
54	Rẻ quạt họng trắng White-throated Fantail	<i>Rhipidura albicollis</i> (Vieillot, 1818)	R
	25. Họ Quạ	Corvidae	
55	Chim khách Racquet-tailed Treepie	<i>Crypsirina temia</i> (Daudin, 1800)	R
56	Quạ đen Large-billed Crow	<i>Corvus macrorhynchos</i> Wagler, 1827	R
	26. Họ Bạc má	Paridae	
57	Bạc má Great Tit	<i>Parus major</i> Linnaeus, 1758	R
	27. Họ Nhạn	Hirundinidae	
58	Nhạn bụng trắng Barn Swallow	<i>Hirundo rustica</i> Linnaeus, 1758	R/M
	28. Họ Chiền chiện	Cisticolidae	
59	Chiền chiện đầu nâu Rufescent Prinia	<i>Prinia rufescens</i> Blyth, 1847	R
60	Chiền chiện bụng hung Plain Prinia	<i>Prinia inornata</i> Sykes, 1832	R
61	Chích bông đuôi dài Common Tailorbird	<i>Orthotomus sutorius</i> (Pennant, 1769)	R
	29. Họ Chào mào	Pycnonotidae	
62	Chào mào Red-whiskered Bulbul	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	R
63	Bông lau trung quốc Light-vented Bulbul	<i>Pycnonotus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	R
64	Bông lau tai trắng Sooty-headed Bulbul	<i>Pycnonotus aurigaster</i> (Vieillot, 1818)	R
65	Cành cạch lớn Puff-throated Bulbul	<i>Alophoixus pallidus</i> (Swinhoe, 1870)	R
	30. Họ Khướu	Timaliidae	
66	Chuối tiêu ngực đỏ Puff-throated babbler	<i>Pellorneum ruficeps</i> , Swainson, 1832	R
67	Khướu đá hoa Limestone Wren-babbler	<i>Napothera crispifrons</i> (Blyth, 1855)	R

68	Chích chạch má vàng Striped Tit-babbler	<i>Macronous gularis</i> (Horsfield, 1822)	R
69	Họa mi Hwamei	<i>Garrulax canorus</i> (Linnaeus, 1758)	R
70	Lách tách má xám Grey-cheeked Fulvetta	<i>Alcippe morrisonia</i> Swinhoe, 1863	R
	31. Họ Vành khuyên	Zosteropidae	
71	Vành khuyên nhật bản Japanese White-eye	<i>Zosterops japonicus</i> (Temminck and Schlegel, 1847)	M
	32. Họ Sáo	Sturnidae	
	Phân họ Sáo	Sturninae	
72	Sáo mỏ vàng Great Myna	<i>Acridotheres grandis</i> F. Moore, 1858	R
73	Sáo mỏ ngà Crested Myna	<i>Acridotheres cristatellus</i> (Linnaeus, 1758)	R
74	Sáo nâu Common Myna	<i>Acridotheres tristis</i> (Linnaeus, 1766)	R
75	Sáo đá trung quốc White-should Starling	<i>Sturnus sinensis</i> (J.F. Gmelin, 1788)	M
	33. Họ Hoét	Turdidae	
76	Hoét xanh Blue Whistling Thrush	<i>Myophonus caeruleus</i> (Scopoli, 1786)	R/M
	34. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae	
	Phân họ Chim oanh	Saxicolinae	
77	Chích chòe Oriental Magpie-Robin	<i>Copsychus saularis</i> (Linnaeus, 1758)	R
78	Sẻ bụi đầu đen Common Stonechat	<i>Saxicola torquatus</i> (Linnaeus, 1766)	M
79	Sẻ bụi xám Grey Bushchat	<i>Saxicola ferreus</i> J.E & G.R. Gray, 1846	R
80	Hoét đá Blue Rock Thrush	<i>Monticola solitarius</i> (Linnaeus, 1758)	M
	Phân họ Đớp ruồi	Muscicapinae	
81	Đớp ruồi sibêri Dark-sided Flycatcher	<i>Muscicapa sibirica</i> Gmelin, 1789	M
82	Đớp ruồi nâu Asian Brown Flycatcher	<i>Muscicapa dauurica</i> Pallas, 1811	M
	35. Họ Hút mật	Nectariniidae	
83	Hút mật đuôi nhọn Fork-tailed Sunbird	<i>Aethopyga christinae</i> Swinhoe, 1869	R
84	Hút mật đỏ Crimson Sunbird	<i>Aethopyga siparaja</i> (Raffles, 1822)	R
85	Bấp chuối dóm đen Steaked Spiderhunter	<i>Arachnothera magna</i> (Hodgson, 1837)	R
	36. Họ Sẻ	Passeridae	
86	Sẻ Eurasian Tree Sparrow	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	R
	37. Họ Chim di	Estrildidae	
	Phân họ Chim di	Lonchurinae	
87	Di đá	<i>Lonchura punctulata</i> (Linnaeus, 1758)	R

	Scaly-breasted Munia		
	38. Họ Chìa vôi	Motacillidae	
88	Chìa vôi rừng Forest Wagtail	<i>Dendromanthus indicus</i> (J.F.Gmelin, 1789)	M
89	Chìa vôi núi Grey Wagtail	<i>Motacilla cinerea</i> Tunstall, 1771	M
90	Chìa vôi trắng White Wagtail	<i>Motacilla alba</i> Linnaeus, 1758	R
91	Chim manh lớn Richard's Pipit	<i>Anthus richardi</i> Vieillot, 1818	R/M
92	Chim manh vân nam Olive-backed Pipit	<i>Anthus hodgsoni</i> Richmond, 1907	M

Trong số 92 loài chim xác định ở khu vực nghiên cứu thì có 84 loài chúng tôi quan sát trực tiếp được ngoài tự nhiên, một số loài chụp được ảnh qua ống telé. Có 8 loài chúng tôi ghi nhận được qua tiếng kêu, tiếng hót đặc trưng của loài: Tim vịt, Cú lợn rừng, Cú mèo khoang cổ, Cú muỗi đuôi dài, Cành cạch lớn, Chuối tiêu ngực đỏm, Khướu đá hoa, Họa mi. Chúng tôi cũng phỏng vấn một số người dân địa phương có kinh nghiệm đi rừng để khẳng định thêm sự hiện diện của các loài này ở khu vực cũng như bổ sung thông tin về độ thường gặp của chúng theo thời gian khác nhau.

Về cấu trúc thành phần loài, nếu không xét đến bộ Sẻ vốn đa dạng nhất ở các bậc taxon thì ở khu vực nghiên cứu bộ chim phong phú về thành phần loài tiếp theo là bộ Rẽ, bộ Hạc, bộ Sáo. Phần lớn các loài trong bộ này là các loài chim nước (như Choắt bụng trắng, Rẽ giun thường, Te vàng, Cuốc ngực trắng, Kịch, Gà đồng...) hoặc các loài chim có cuộc sống gắn liền với môi trường nước, chuyên bắt cá (Bói cá nhỏ, Bồng chanh, Sáo đầu nâu, Sáo khoang cổ...). Trong 38 họ chim xác định được ở đây thì họ Diệc (Ardeidae) là đa dạng nhất với 8 loài (chiếm 8,7% tổng số loài), tiếp đến là họ Đớp ruồi (Muscicapidae) với 6 loài (chiếm 6,52%).

Về các loài chim quý, hiếm có giá trị bảo tồn nguồn gen, tại khu vực nghiên cứu đã xác định có 9 loài (chiếm 9,78% tổng số loài chim

của khu vực). 9 loài có tên trong thông tư 59/2010/TT-BNNPTNT ở phụ lục II (danh mục những loài hạn chế buôn bán) [6] bao gồm: Cắt lưng hung, Cắt bụng hung, Dù di phương đông, Cú lợn rừng, Cú mèo khoang cổ, Diều trắng, Ó cá, Diều hâu, Họa mi. Riêng loài Dù di phương đông (*Ketupa zeylonensis*) có tên cả trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ở phụ lục IIB (danh mục động vật hạn chế buôn bán) [7]. Ngoài ra, khoảng gần 30 loài trong khu vực được đề cập đến trong Danh lục Đỏ IUCN (2012) [8] nhưng chỉ dừng lại ở mức LC (Least concern - Ít quan tâm). Một vài loài trong số đó được đánh giá hiện trạng là đang có xu hướng giảm dần như: Mòng bể đầu đen, Nhạn bụng trắng, Chìa vôi núi, Dù di phương đông. Với đặc trưng hệ sinh thái đảo lục địa, gần bờ, có rừng ngập mặn đan xen với hệ thống rừng thứ sinh trên núi đá vôi, các loài chim đáng quan tâm ưu tiên bảo tồn là các loài chim nước di cư, các loài chim ăn thịt (raptors) và một số loài chim đặc trưng cho hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi như họ Khướu, họ Sáo, họ Đớp ruồi.

3.2. Sự di trú và phong phú của các loài chim

Trong số 92 loài chim xác định được ở khu vực nghiên cứu, có 59 loài định cư, 25 loài di cư và 8 loài vừa có chủng quần định cư, vừa có chủng quần di cư.

Các loài chim di cư đến khu vực chủ yếu nằm trong bộ Rẽ (Charadriiformes) với 8 loài. Bộ Sẻ cũng có tới 10 loài chim di cư, trong đó có một số loài thường quan sát thấy với số lượng đàn lớn như Vành khuyên nhật bản, Sáo đá trung quốc. Một số loài vừa có chũng quần định cư, vừa có chũng quần di cư đến vào mùa lạnh như: Cò xanh, Cò trắng, Choi chơi nhỏ, Chèo bẻo... Với vị trí nằm sát ven biển, lại là vùng đất ngập nước có rừng ngập mặn, có nhiều chỗ trú ngụ và nguồn thức ăn phong phú, Phù Long được lựa chọn là điểm dừng chân lí tưởng trên đường bay về phương Nam tránh rét và là nơi trú ngụ an toàn cho nhiều loài chim di cư đến trú đông tại vùng. Theo quan sát thực tế và phỏng vấn cộng đồng, các loài chim có sự biến động lớn theo thời gian trong năm ở khu vực là Diệc xám, Cò trắng, Cò bợ, Cu ngói, Nhạn bụng trắng. Về chim ăn thịt ban ngày thì có Diều hâu. Nhìn chung hàng năm, các loài chim di cư đến vùng vào tháng 9. Số lượng tăng dần và cao điểm nhất là vào tháng 10 đến tháng 12. Số lượng giảm dần đến tháng 3 trùng vào thời điểm các loài chim di cư bay đi. Thời gian bắt đầu mùa chim di cư đến vùng cũng có sự dao động giữa các năm liên quan đến điều kiện khí hậu. Tuy nhiên, do môi trường sống của vùng đã có nhiều thay đổi, cũng như việc săn bắt chim trong mùa di cư vẫn diễn ra khiến cho số lượng các quần thể chim di cư đến khu vực này có xu hướng giảm dần. Chính vì vậy, trong thời gian tới, cần có những điều tra, giám sát, đánh giá đầy đủ để làm cơ sở đề xuất biện pháp bảo tồn các loài chim hoang dã ở Phù Long một cách có hiệu quả hơn.

4. Kết luận

- Tại xã Phù Long đã xác định được 92 loài chim thuộc 47 giống, 38 họ, 15 bộ, trong đó có 9 loài chim quý hiếm có giá trị bảo tồn nguồn

gen, có 1 loài được ghi trong Nghị định 32/2006 ND-CP của Chính phủ và cả 9 loài đều nằm trong phụ lục II Thông tư 59/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2010.

- Đã xác định có 59 loài định cư, 25 loài di cư và 8 loài vừa có chũng quần định cư, vừa có chũng quần di cư. Các loài chim thường bắt đầu di cư đến vùng vào tháng 9, đông đảo nhất từ tháng 10 đến tháng 12 và di cư đi cho đến tháng 3 thì các loài chim di cư gần như bay đi hết.

- Hệ sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi có vai trò quan trọng với nhiều loài chim hoang dã. Cần thiết có những điều tra, giám sát lâu hơn để làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên trong đó có các loài chim ở Phù Long.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Cừ, Lê Trọng Khải, Karen Phillipps, Chim Việt Nam. Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2005.
- [2] Ferguson-Lees James, David A. Christie, Raptors of the World, Princeton University Press, 2005.
- [3] Robson, C, A Field Guide to the Birds of South-east Asia (Thailand, Peninsular Malaysia, Singapore, Myanmar, Laos, Vietnam, Campodia). New Holland Publishers (UK) Ltd., 2008.
- [4] Strange Morten, A Photographic Guide to the Birds of Southeast Asia including the Philippines & Borneo, Christopher Helm, London, 2002.
- [5] Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, Danh lục chim Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 2011.
- [6] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tư số 59/2010/TT-BNNPTNT, ngày 19 tháng 10 năm 2010 về ban hành Danh mục các loài Động vật, thực vật hoang dã qui định trong các Phụ lục của công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp đã được bổ sung, sửa đổi thông qua tại Hội nghị các nước thành viên CITES lần thứ 15, 2010.

- [7] Chính phủ Việt Nam, Nghị định Chính phủ 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, 2006.
- [8] IUCN, IUCN Red List of Threatened Species, Source: iucnredlist.org, 2012.

The Bird Species Composition in Phù Long Commune, Cát Hải District, Hải Phòng City

Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Từ Thị Thanh Kim Huệ

Hanoi National University of Education, 136 Xuân Thủy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Phù Long is a commune of Cát Hải district, located in the extreme west of Cát Bà island and is the area's largest mangrove forest on the island. Research results avifauna here during 2011 - 2012 have identified 92 species of birds belonging to 47 genus, 38 families, 15 orders including 9 state-managed limited exploitation and use for the commercial. Every year, beginning in September usually appear many migratory birds come here and largest in the October-December, and March, the migratory birds fly out. However, the avifauna in Phù Long commune is also under pressure due to a number of human activities such as mangrove deforestation, expansion of aquaculture without planning, environmental pollution, hunting migratory birds.

Keywords: Bird, species composition, migratory, island, Phù Long commune.